TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2020/DS - PT
Ngày 16/7/2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- T1 phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quế.

Các Thẩm phán: Bà Dương Thị Liên và bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị Thúy Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hương Liên - Kiểm sát viên.

Từ ngày 13 đến ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2020/TLPT-DS ngày 04 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2020/DSST ngày 02 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 45/QĐPT-DS ngày 04 tháng 05 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1963 (có mặt);

2. Bị đơn: Bà Dương Thị C (đã chết);

Người được bà C ủy quyền: Anh Đặng Thanh V con trai bà C, sinh năm 1976;

Các đương sự đều trú tại: Xóm PT, xã YĐ, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên (anh V có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh V: Ông Bùi Doãn S sinh năm 1971;

Địa chỉ: Xóm HH, xã TH, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965;

Trú tại: Xóm PT, xã YĐ, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên (chồng bà L có mặt).

3.2 Anh Đặng Tiến T1, sinh 1965 (anh trai anh V vắng mặt).

Trú tại: Thôn TH, xã ĐR, huyện ĐN, tỉnh Đắc Nông.

3.3 Anh Đặng Dương H, sinh năm 1966 (anh trai anh V vắng mặt).

Trú tại: Thôn NV, xã ĐP, huyện BT, tỉnh Bắc Kạn.

3.4 Anh Đặng Tiến C1, sinh năm 1968 (anh trai anh V vắng mặt).

Trú tại: Thôn TH, xã ĐM, huyện ĐN, tỉnh Đắc Nông.

3.5 Anh Đặng Tiến S1, sinh năm 1970 (anh trai anh V có mặt).

Trú Tại: Xóm PT, xã YĐ, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên.

3.6 Anh Đặng Thanh H1, sinh năm 1973 (anh trai anh V vắng mặt).

Trú tại: Thôn 7, xã ĐM, huyện ĐG, tỉnh Đắc Nông.

3.7 Chị Đặng Thị T2, sinh năm 1979 (em gái anh V có mặt).

Trú tại: Xóm LT, xã PT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

3.8. Chị Lương Thị V, sinh năm 1982 (vợ anh V có mặt).

Trú tại: Xóm PT, xã YĐ, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên.

3.9 UBND huyện Phú Lương: Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T3, Phó trưởng phòng tài nguyên & môi trường huyện và ông Nguyễn Thế P, Phó Hạt trưởng Hạt kiểm lâm huyện Phú Lương (đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày: Năm 1986 sau khi bà lập gia đình với ông Nguyễn Văn T và được bố mẹ chồng chia cho một thửa đất hiện nay đang làm nhà ở và khai phá canh tác sử dụng làm vườn bãi và trồng rừng có diện tích như trong đơn khởi kiện, khu đất này bố mẹ bà đã khai phá từ năm 1985. Theo chủ trương của Đảng của Chính phủ nhận đất, nhận rừng để phủ xanh đất trống đồi núi trọc. Bố mẹ bà đã làm lán để ở và khai phá đất đai, vợ chồng bà đã ở tại khu đất này từ đó cho đến nay, hàng năm có đóng thuế cho Nhà nước. Gia đình bà không tranh chấp với gia đình ông V1, bà C. Năm 1995 có đoàn đo đạc đến đo đất ở và đất rừng cho gia đình bà thì ông V1 ở gần sang tranh nhận với nhà bà. Đoàn đo đạc đã không đo cho ai mà lập biên bản sự việc rồi gửi Ủy ban nhân dân xã YĐ để giải quyết. Năm 2000 UBND xã gọi giải quyết nhưng bà không đồng ý với cách giải quyết của xã vì đã cắt quá nửa đất của bà cho ông V1, nửa đất ấy có cây cối tài sản của bà trông nom chăm sóc. Năm 2010 anh Đặng Thanh V sang rừng của bà chặt phá khai thác chiếm đoạt tài sản nên bà đã có đơn khởi kiện bà C vợ ông V1.

Người được bị đơn ủy quyền (anh V) trình bày: Năm 1974 gia đình anh chuyển về nơi ở tại khu vực này không có nhà ai ở, năm 1976 Lâm trường Phú Lương về trồng toàn bộ khu rừng đồi ở khu vực nhà anh trong đó có cả khu vực đang xảy ra tranh chấp. Năm 1984 Lâm trường chuyển đi nơi khác và giải thể, sau khi Lâm trường đi thì khu rừng này không có ai sử dụng. Ngày 02/7/1987 thì bố anh là ông Đặng Ngọc V1 đã có đơn xin nhận và tu bổ toàn bộ khu rừng này. Năm 1988 gia đình anh phát để trồng rừng cà phê theo dự án trồng cà phê Miền Bắc của Vinacafe Việt Nam đã được UBND xã YĐ phê duyệt và xác nhận ngày 03/10/1989.

Năm 1990 gia đình anh làm theo chính sách của Đảng và nhà nước về việc phủ xanh đất trống, đồi núi trọc nên gia đình anh lại tiếp tục nhận làm theo dự án của Sipse, trồng cây theo dự án được cấp toàn bộ cây giống như: Trám, Mỡ, Mây và tiền chăm sóc bảo vệ hàng năm. Tại thời điểm năm 1990 bà L xin bố anh cho mượn ít đất để làm lán trông coi lúa, bố anh đồng ý. Năm 1993 theo chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về giao đất, giao rừng bố anh đã đăng ký xin nhận toàn bộ khu rừng trên, đến ngày 10/11/1995 bố anh đã được Ủy ban nhân

dân huyện Phú Lương cấp hồ sơ giao đất giao rừng số 2276 đến năm 1997 thì dự án Sípse kết thúc. Bà L là người quê ở Thái Bình, năm 1986 kết hôn với ông Nguyễn Văn T ở xóm Thượng, xã YĐ, năm 1988 ông Dũng người cùng quê để cho bà L một mảnh đất cách chỗ ở hiện nay khoảng 400m, năm 1990 bà L có hỏi bố anh chỗ đất hiện nay để làm lán trông coi làm ruộng bố anh nhất trí nên bà L đã chuyển hẳn về đấy ở còn nhà ngoài thì bán đi. Năm 1992 ông T chồng bà L vi phạm pháp luật bị phạt 4 năm tù đến tháng 8/1996 thì được ra trại. Năm 2000 gia đình bà L đã ra phát phía trái nhà để trồng chè, thấy vậy gia đình anh không cho làm, nhưng bà L vẫn cố T làm và lúc này bà L đã quay lại lấy oán trả ơn và nói rằng đây là đất của ông cha nên cứ làm. Ngày 05 tháng 8 năm 2000 Ủy ban nhân dân xã YĐ hòa giải T1 và các bên đã nhất trí theo biên bản hòa giải, nhưng sau đó bà L lại thay đổi không nhất trí nữa và đề nghị hòa giải lại. Ngày 26 tháng 4 năm 2010 Ủy ban nhân dân xã YĐ tổ chức hòa giải lại nhưng không T1, kể từ đó đến nay bà L thường xuyên tranh chấp với gia đình anh làm cho chính quyền địa phương pH1 thường xuyên đến để giải quyết mất rất nhiều thời gian.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các con của ông Đặng Ngọc V1, bà Dương Thị C đều thống nhất quan điểm với lời trình bày của anh V. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (ông T chồng bà L) cũng đồng ý quan điểm với bà Phạm Thị L, đề nghị các cấp hủy bìa đỏ của nhà bà C, anh Đặng Thanh V, trả lại phần đất đã lấn chiếm của gia đình ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện Phú Lương có ý kiến: Thống nhất với ý kiến của UBND xã YĐ đó là trước thời điểm các bên xảy ra tranh chấp thì đất do Lâm trường huyện Phú Lương quản lý nhưng sau đó đã giải thể, sau khi giải thể Lâm trường không có hồ sơ bàn giao lại cho UBND huyện. Năm 1995 ông V1 có đơn xin giao đất, giao rừng và UBND huyện đã có Quyết định giao đất, giao rừng số 2276- QĐ/UB ngày 10 tháng 11 năm 1995 cho gia đình ông V1. Năm 2000 khi hai bên gia đình tranh chấp, Hạt kiểm lâm phối hợp cùng với UBND xã đã giải quyết và các bên đã đi đến thống nhất thỏa thuận, tuy nhiên sau đó phía bà L đã thay đổi. UBND huyện đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đặng Thanh V có ý kiến:

Tại báo cáo số 10 ngày 27/4/2010 của UBND xã YĐ báo cáo UBND huyện Phú Lương cũng khẳng định "Qua kiểm tra thực địa thì ông V đã sử dụng đúng đường ranh giới, việc giao đất, giao rừng là không có sự trùng lặp, sai sót". Bà L không có giấy tờ nào để chứng minh đó là đất của gia đình bà L. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu C của bà L về việc hủy quyết định giao đất, giao rừng số 2276-QĐ/UB ngày 10/11/1995 của UBND huyện Phú Lương. Tuy nhiên vì T làng nghĩa xóm anh V vẫn nhất trí để cho bà L sử dụng theo diện tích đã được thỏa thuận giữa bố anh V khi còn sống và bà L tại biên bản hòa giải T1 ngày 05/8/2000 theo đó: Lô 4g khoảnh 5 tiểu khu 289 diện tích 0,5 ha hai bên phát ranh giới giữa đỉnh giông, phía Bắc giáp ruộng bà L thì do bà L quản lý, sử dụng; phía Nam do ông V1 quản lý sử dụng. Lô 4d khoảnh 5 tiểu khu 289 diện

tích 2,14 ha chia như sau: Lấy cây sung làm mốc suôi xuống do bà L quản lý, ngược lên đỉnh giông do ông V1 quản lý.

Với nội dung nêu trên tại bản án số 01/2020/DSST ngày 02/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương đã xét xử và quyết định:

Căn cứ các Điều 4; khoản 2, Điều 5; 97; 99; 100; 105; 135; khoản 5, Điều 166; 202 và 203 Luật đất đai. Các Điều 5; 26; 27; 35; 39; 46, 146; 147; 156; 157; 158; 164; 165; 166; 171; 210; 211; 225; 227; 236; 266; 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357; 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu C khởi kiện của bà Phạm Thị L đối với bà Dương Thị C người được ủy quyền thừa kế quyền và nghĩa vụ là anh Đặng Thanh V.

Bà Phạm Thị L được quyền sử dụng phần diện tích đất do anh Đặng Thanh V thỏa thuận là 14.979,7m^2 và 400m^2 đất ở kèm theo toàn bộ cây cối hoa màu trên đất tại khu vực số 1 có ký hiệu A nằm trong thửa 12 tờ bản đồ 70.

Bà Phạm Thị L có trách nhiệm khai thác toàn bộ cây tại khu vực số 3 ký hiệu (C) để trả lại đất cho anh Đặng Thanh V (có bản đồ hiện trạng kèm theo).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật UBND cấp có thẩm quyền cùng cơ quan chức năng điều chỉnh phần diện tích đã giao cho gia đình anh V và cấp quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị L, anh Đặng Thanh V.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị L được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, anh V không pH1 chịu án phí.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/01/2020 bà Phạm Thị L kháng cáo yêu C ông V trả lại toàn bộ 46.240m^2 đất thể hiện trên bản đồ đo tháng 5/2019 và bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm bà L vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1] Về nguồn gốc diện tích đất rừng hai bên đang tranh chấp thì thấy rằng: Năm 1995 gia đình ông Đặng Ngọc V1 (là bố đẻ của anh V) đã được UBND huyện Phú Lương giao đất giao rừng tại quyết định số 2276/QĐUB, ngày 10 tháng 11 năm 1995 với các lô số 1, 4b, 4c, 4d, 4g, 4e có tổng diện tích 7,23ha. Về phía bà L cho rằng các lô gồm 4b, 4c, 4d, 4g, 4e là của bà có trong Quyết định giao đất, giao rừng số 2276/QĐUB, ngày 10 tháng 11 năm 1995 của UBND huyện Phú Lương đã giao cho ông V1, nay bà yêu C ông V phải trả lại cho gia đình bà sử dụng, tuy nhiên bà L lại không xuất trình được bất cứ loại giấy tờ nào của cơ quan có thẩm quyền giao đất giao rừng cho gia đình bà 05 lô đất rừng này,

đáng lẽ Tòa án cấp sơ thẩm phải bác yêu C khởi kiện của bà L và ghi nhận sự tự nguyện của ông V1 là bố của anh V trong biên bản hòa giải thành ngày 05/8/2000 mới đúng. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm anh V vẫn đồng ý giữ nguyên ý kiến của bố anh tại biên bản hòa giải thành ngày 05/8/2000, nhưng để cho gọn thửa đất thì anh tự nguyện cho bà L cả thửa 4d, như vậy diện tích đất của bà L cũng được tăng lên 1 phần là có lý, có T.

[2] Bà L là người khởi kiện nhưng lại không có tài liệu chứng minh đất ông cha để lại, trong khi các cơ quan chức năng xác định trước những năm 1970 đất này do Lâm trường quản lý, sau giải thể không có ai kê khai mà chỉ có gia đình ông Đặng Ngọc V1 kê khai để trồng cà phê, tiếp đó trồng rừng theo dự án PAM phủ xanh đất trống đồi núi trọc của Chính phủ và nước ngoài tài trợ. Tại khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2003 và khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013 có quy định: "***Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước***". Như vậy kể cả trước thời điểm năm 1995 mà UBND huyện Phú Lương giao đất cho ông V1 mà nguồn gốc đất đó là của gia đình bà L đi chăng nữa thì bà L cũng không có quyền đòi lại.

[3] Ngoài ra bà L còn kháng cáo yêu C anh V phải bồi thường thiệt hại về tài sản của bà bị anh V xâm hại nhưng bà không có căn cứ nào để chứng minh cho yêu C của mình nên cũng không được chấp nhận. Nếu sau này bà L có căn cứ chứng minh anh V gây thiệt hại về tài sản cho bà thì bà L có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh V cũng như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị bác kháng cáo của bà L là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên cho phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 166; 202 và 203 Luật đất đai năm 2003, sửa đổi, bổ sung năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị L, sửa bản án sơ thẩm số: 01/2020/DS-ST ngày 02 tháng 01 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L đối với bà Dương Thị C người được ủy quyền là anh Đặng Thanh V.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đặng Thanh V cho bà Phạm Thị L được quyền sử dụng phần diện tích đất 14.979,7m^2 đất tại lô 4d khu vực số 1 có ký hiệu A nằm trong thửa 12 tờ bản đồ số 70.

3. Bà Phạm Thị L có trách nhiệm khai thác toàn bộ cây cối, tài sản tại khu vực số 3 ký hiệu (C) trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật để trả lại đất cho anh Đặng Thanh V (có bản đồ hiện trạng kèm theo bản án).

4. Bà Phạm Thị L và anh Đặng Thanh V có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Bà Phạm Thị L được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm, anh Đặng Thanh V không phải chịu án phí dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu C thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Phú Lương;
- Chi cục THADS huyện Phú Lương;
- UBND huyện Phú Lương;
- UBND xã YĐ;
- VP-TAT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quế